

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

MÔN: TIẾNG ANH 6 (SMART WORLD)

Thời gian: Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 18/12/2021

A. Tuần 15: Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 18/12/2021

I. Hướng dẫn học sinh tự học:

* SMART WORLD 6 - UNIT 5- Tiết 45 / TRANG 40

NỘI DUNG	GHI CHÚ Học sinh cần chú ý các nội dung trọng tâm sau đây:		
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu	<u>PART 1: REVISION (Ôn tập)</u>		
	❖ <u>DEMONSTRATIVE PRONOUNS (ĐẠI TỪ CHỈ ĐỊNH)</u>		
		Đi với danh từ số ít	Đi với danh từ số nhiều
	gần (near, here...)	This: này	These: những cái này
	xa (there, far...)	That: kia, đó	Those: những cái kia
❖ <u>OBJECT PRONOUNS (ĐẠI TỪ TÂN NGỮ)</u>: theo sau một động từ hoặc một giới từ.			
Đại từ nhân xưng (Làm chủ ngữ)	Đại từ nhân xưng (Làm tân ngữ)	Tính từ sở hữu	Đại từ sở hữu
I	me	my	mine
you	you	your	yours
he	him	his	his
she	her	her	her
IT	IT	its	its
we	us	our	ours
you	you	your	yours
THEY	THEM	their	theirs

❖ **ASKING ABOUT PRICE:(HỎI VỀ GIÁ TIỀN)**

How much is / are + N (danh từ)?

What is the price of +N (danh từ)

How much do/ does + N (danh từ) + cost?

- *It's... (số tiền)/ They're... (số tiền)*

PART 2: NỘI DUNG BÀI HỌC:

❖ **PRONUNCIATION**

Do you have.....? often sound like/ **dʒə hæv /**

❖ **PRACTICE: a. Practice the conversation. Swap roles and repeat.**

SAMPLE

Sales assistant: Hi, can I help you?

*Customer: Yes, do you have **this shirt** in **blue**? (these jeans/ black)*

Sales assistant: Yes, here you are.

*Customer: Do you **have it in a medium size**?(them in a small size)*

*Customer: Can I try **it on**?(them)*

Sales assistant: Yes, the changing rooms over there... (Later...)

*Sale assistant: **Is it** ok? (Are they)*

*Customer: Yes, how much **is it**? (are they)*

*Sale assistant: **It's** 20 dollars. (They're)*

❖ **SPEAKING: What do they look like?**

Situation (tình huống): You are shopping for clothes.

Học sinh A đóng vai là khách hàng (customer) chọn 3 trang phục phía dưới và chú thích màu và size muốn mua. Học sinh B đóng vai là người bán hàng (assistant). Thực hành theo đoạn hội thoại phía trên sau đó đổi vai.



**Hoạt
động 2:**

*Kiểm tra,
đánh giá
quá trình
tự học.*

BÀI TẬP VẬN DỤNG

Exercise 1: Fill in the blank with “ *This, that, these, those*” to complete the sentences.

1. I want _____ blue hat. (*These/ This*)
2. Look at _____ girls over there. (*these/ those*)
3. Do you like _____ flower over there? (*that/ those*)
4. Do you have _____ dress in black. (*those/ this*)
5. _____ are my pants. (*this/these*)

Exercise 2: VOCABULARY

large	sale assistant	customer	try on	pants
changing room	dress	medium	extra large.	

1. My mother is a little bit over weight. I need an _____ blouse for her.
2. Why don't you __ this pink coat?
3. Do you have this T-shirt in _____? This medium one is too small?
4. Do you have these _____ in dark blue? Can I try them on?
- Sure. The _____ is over there.
5. A _____ works in a store.
6. The _____ wants a medium blue dress.
7. This pink _____ is so nice. How much is it?
- It's ten dollars.
8. That red dress was too big. This one is too small.
Do you have it in _____?

ĐÁP ÁN:

Exercise 1:

1. *This*
2. *Those*
3. *That*
4. *This*
5. *these*

Exercise 2

1. extra large
2. try on
3. large
4. pants/ changing room
5. sale assistant
6. customer
7. dress
8. medium

II. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Tiếng Anh	Unit:..... Phần B:	1. 2. 3.